


BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## LÝ LỊCH KHOA HỌC

| 1. Họ và tên: Vũ Văn Doanh  |   |      |                |
|---|---|---|----------------|
| 2. Năm sinh: 1981   |   |   |                |
| 3. Giới tính: Nam   |   |   |                |
| 4. Chức danh:   | Năm được phong:                           |   |                |
| 5. Học vị: Tiến sĩ  | Năm đạt học vị: 2018                      |   |                |
| 6. Địa chỉ: Phường Dịch vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội |   |   |                |
| 7. Điện thoại: 0989982239   |   | 8. Email: vvdoanh@hunre.edu.vn  |                |
| 9. Cơ quan công tác: Khoa Môi trường                              |   |   |                |
| 10. Quá trình đào tạo:  |   |   |                |
| Bậc đào tạo   | Nơi đào tạo                               | Chuyên môn  | Năm tốt nghiệp |
| Đại học   | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – ĐHQGHN | Khoa học Môi trường   | 2003           |
| Thạc sỹ   | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – ĐHQGHN | Khoa học Môi trường   | 2005           |
| Tiến sỹ   | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – ĐHQGHN | Môi trường đất, nước  | 2018           |
| 11. Quá trình công tác:   |   |   |                |
| Thời gian   | Vị trí công tác                           | Cơ quan công tác  | Chức vụ        |
| 2003- 2005  | Nhân viên                                 | Trung Tâm Khoa học công nghệ Môi trường và Phát triển – Liên hiệp các hội khoa học Việt |                |

|                       |            |   |                                     |
|-----------------------|------------|---|-------------------------------------|
|                       |            | Nam   |                                     |
| 2005-9/2008           | Giáo viên  | Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường Miền Trung |                                     |
| 10/2008–7/2010        | Giảng viên | Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường Hà Nội     |                                     |
| 8/2010 – Tháng 9/2013 | Giảng viên | Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội      | Trưởng bộ môn Quản lý Môi trường    |
| Từ tháng 9/2013       | Giảng viên | Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội      | Phụ trách bộ môn Quản lý Môi trường |
| Từ tháng 9/2019       | Giảng viên | Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội      | Trưởng bộ môn Quản lý Môi trường    |
| Từ 6/2023             | Giảng viên | Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội      | Phó trưởng khoa Môi trường          |

12. Các công trình khoa học đã công bố (trong 05 năm gần nhất):

| TT               | Tên công trình  | Là tác giả hoặc đồng tác giả | Nơi công bố  | Năm công bố |
|------------------|---|------------------------------|--|-------------|
| Sách, giáo trình |   |                              |  |             |
| 1                | Kiểm soát ô nhiễm môi trường nông thôn  | Đồng tác giả                 | Nhà xuất bản chính trị Quốc gia sự thật  | 2020        |
| 30               | Tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng tới sử dụng đất nông nghiệp ven biển và giải pháp thích ứng - Đánh giá trường hợp tỉnh Nam Định | Tác giả                      | Trường ĐH Quốc gia Hà Nội<br>Sách Chuỗi giá trị và thương mại ngành hàng nông lâm sản Việt Nam, Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và khủng | 2022        |

|                  |   |         |   |      |
|------------------|---|---------|---|------|
|                  |   |         | hoàng sinh thái<br>ISBN: 978 -604-<br>396-407 - 9       |      |
| Bài báo khoa học |   |         |   |      |
| 1                | “Đánh giá thiệt hại kinh tế của nước biển dâng tới sử dụng đất nông nghiệp tại các huyện ven biển tỉnh Nam Định”  | Tác giả | <i>Tạp chí Khí tượng Thủy văn</i> , Số 677 tháng 5/2017 | 2017 |
| 2                | Nam Định tăng cường các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu  | Tác giả | Tạp chí Môi trường Số 2<br>ISSN 1859-042X               | 2018 |
| 3                | “Assessment Procedure for Sea Level Rise Economic Damage due to to Climate Change in Agricultural Land Use Case study in Nam Dinh Province’                     | Tác giả | <i>Vietnam Science and Technology</i> , Jun/2018        | 2018 |
| 4                | Xây dựng quy trình lượng giá thiệt hại kinh tế của nước biển dâng do biến đổi khí hậu tới sử dụng đất nông nghiệp quy mô cấp huyện tại tỉnh Nam Định            | Tác giả | Tạp chí nghiên cứu Địa lý nhân văn<br>ISSN 2354 – 0648  | 2018 |
| 5                | Đánh giá thiệt hại kinh tế của nước biển dâng do biến đổi khí hậu tới sử dụng đất nông nghiệp tại các huyện ven biển tỉnh Nam Định, trong giai đoạn 2020 – 2050 | Tác giả | An toàn vệ sinh lao động Số 7<br>ISSN 2615-9082         | 2018 |

|    |   |         |   |      |
|----|---|---------|---|------|
| 6  | Bảo tồn hệ sinh thái rạn san hô (RSH) xã Tam Hải, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam   | Tác giả | Tạp chí Môi trường Số 6<br>ISSN 1859-042X               | 2018 |
| 7  | Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS trong nghiên cứu biến động diện tích cây xanh khu vực nội thành Hà Nội giai đoạn 2013 – 2016  | Tác giả | Tạp chí Khoa học biến đổi khí hậu số 5 ISSN 2525-2496   | 2018 |
| 8  | Phù Yên: Trồng cây ăn quả phủ xanh đất trống, đòi trợ góp phần xây dựng nông thôn mới   | Tác giả | Tạp chí Môi trường Số 6 ISSN 1859-042X                  | 2019 |
| 9  | Huyện Kim Động, Hưng Yên: Tập trung sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường trong xây dựng                                      | Tác giả | Tạp chí Môi trường Số 6 ISSN 1859-042X                  | 2019 |
| 10 | “Đánh giá thiệt hại kinh tế của nước biển dâng tới sử dụng đất nông nghiệp tại các huyện ven biển tỉnh Nam Định”                  | Tác giả | <i>Tạp chí Khí tượng Thủy văn</i> , Số 677 tháng 5/2017 | 2017 |
| 11 | Nam Định tăng cường các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu  | Tác giả | Tạp chí Môi trường Số 2 ISSN 1859-042X                  | 2018 |
| 12 | “Assessment Procedure for Sea Level Rise Economic Damage due to to Climate Change in Agricultural Land Use Case study in Nam Dinh | Tác giả | <i>Vietnam Science and Technology</i> , Jun/2018        | 2018 |

|    | Province'   |         |  |      |
|----|---|---------|--|------|
| 13 | Xây dựng quy trình lượng giá thiệt hại kinh tế của nước biển dâng do biến đổi khí hậu tới sử dụng đất nông nghiệp quy mô cấp huyện tại tỉnh Nam Định            | Tác giả | Tạp chí nghiên cứu Địa lý nhân văn<br>ISSN 2354 – 0648 | 2018 |
| 14 | Đánh giá thiệt hại kinh tế của nước biển dâng do biến đổi khí hậu tới sử dụng đất nông nghiệp tại các huyện ven biển tỉnh Nam Định, trong giai đoạn 2020 – 2050 | Tác giả | An toàn vệ sinh lao động Số 7<br>ISSN 2615-9082        | 2018 |
| 15 | Bảo tồn hệ sinh thái rạn san hô (RSH) xã Tam Hải, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam   | Tác giả | Tạp chí Môi trường<br>Số 6 ISSN 1859-042X              | 2018 |
| 16 | Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS trong nghiên cứu biến động diện tích cây xanh khu vực nội thành Hà Nội giai đoạn 2013 – 2016                                | Tác giả | Tạp chí Khoa học biến đổi khí hậu số 5 ISSN 2525-2496  | 2018 |
| 17 | Phù Yên: Trồng cây ăn quả phủ xanh đất trống, đồi trọc góp phần xây dựng nông thôn mới  | Tác giả | Tạp chí Môi trường<br>Số 6 ISSN 1859-042X              | 2019 |

|    |  |              |   |      |
|----|--|--------------|---|------|
| 18 | Huyện Kim Động, Hưng Yên: Tập trung sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường trong xây dựng   | Tác giả      | Tạp chí Môi trường<br>Số 6 ISSN 1859-042X   | 2019 |
| 19 | A study on the effects of sea level rise on mangrove ecosystem in Giao Thủy district, Nam Dinh province  | Tác giả      | <i>Vietnam Science and Technology</i> ,<br>September 2020 .<br>Volume 62<br>Number 3        | 2020 |
| 20 | Nghiên cứu mức sẵn lòng chi trả để cải thiện dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại thị trấn Hát Lót, tỉnh Sơn La  | Đồng tác giả | <i>Phát triển bền vững Vùng</i> ISSN 2354-0729 số 10 tháng 6                                | 2020 |
| 21 | Đánh giá hiện trạng công tác quản lý chất thải rắn công nghiệp tại khu công nghiệp Thăng Long, Hà Nội và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp                                   | Đồng tác giả | Tạp chí TN&Môi trường<br>Số 10 ISSN 1859-147  | 2021 |
| 22 | Định hướng đào tạo ngành kinh tế tài nguyên thiên nhiên và môi trường để nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên và môi trường ở Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội | Đồng tác giả | Tạp chí kinh tế môi trường<br>ISSN:1859- 1906<br>Số 185 : 9/2021<br>Chuyên đề khoa học KH03 | 2021 |
| 23 | Kinh nghiệm mua sắm xanh của một số quốc gia và đề xuất cho Việt Nam   | Đồng tác giả | Tạp chí Môi trường<br>ISSN:2615- 9597<br>Số 7 202   | 2021 |

|    |  |              |  |      |
|----|--|--------------|--|------|
| 24 | Một số vấn đề về đào tạo nhân lực trong giai đoạn mới của các trường Đại học trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường            | Đồng tác giả | Tạp chí Môi trường<br>ISSN 2615-9597,<br>số 7/2022   | 2022 |
| 25 | Nghiên cứu xử lý đồng thời kháng sinh Ciprofloxacin và Levofloxacin trong môi trường nước bằng vật liệu Bismuth Oxidide - BIOI | Đồng tác giả | Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường<br>ISSN 0866-7608<br>Số 41, Tháng 6/2022                                 | 2022 |
| 26 | Nghiên cứu giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong quản lý nhà nước về môi trường tại tỉnh Quảng Ninh                        | Đồng tác giả | Tạp chí Tài nguyên và Môi trường<br>ISSN 1859-1477,<br>số 11 (385) tháng 6/2022                                    | 2022 |
| 27 | Ứng dụng mô hình Mike đánh giá biến động chất lượng nước trên lưu vực sông Lô thuộc địa phận tỉnh Hà Giang                     | Đồng tác giả | Tạp chí Tài nguyên và Môi trường<br>ISSN 1859-1477,<br>số 3 (377) tháng 2/2022                                     | 2022 |
| 28 | Life cycle inventory analysis for greenhouse gas emission of Minh Khai plastic waste recycling village in Vietnam              | Đồng tác giả | Trường ĐH TN&MT Hà Nội<br>Hội thảo<br>“Towards net zero emissions: Policy and practice”<br>ISBN: 978-604-3-57082-3 | 2022 |
| 29 | Research on building a   | Tác giả      | Trường ĐH TN&MT Hà Nội   | 2022 |

|  |   |  |  |  |
|--|---|--|--|--|
|  | community participation based domestic solid waste management model |  | Hội thảo<br>“Towards net zero emissions: Policy and practice”<br><br>ISBN: 978-604-3-57082-3 |  |
|  |   |  |  |  |

13. Văn bằng bảo hộ, sở hữu trí tuệ đã được cấp (nếu có):

| TT | Tên và nội dung văn bằng | Năm cấp văn bằng |
|----|--------------------------|------------------|
| 1  |                          |                  |
| .. |                          |                  |

14. Số công trình đã được áp dụng trong thực tiễn (nếu có):

| TT | Tên công trình | Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng | Thời gian (bắt đầu – kết thúc) |
|----|----------------|------------------------------------|--------------------------------|
| 1  |                |                                    |                                |
| .. |                |                                    |                                |

15. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ trở lên hoặc tương đương đã chủ trì hoặc tham gia chính trong 05 năm gần đây:

| Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ   | Thời gian | Thuộc chương trình, đề tài, dự án | Tình trạng    |
|-------------------------------|-----------|-----------------------------------|---------------|
| Đánh giá khí hậu tỉnh Bắc Kạn | 2019      | Cấp tỉnh                          | Đã nghiệm thu |

16. Giải thưởng KH&CN (nếu có):

| TT | Hình thức và nội dung giải thưởng | Năm tặng thưởng |
|----|-----------------------------------|-----------------|
| 1  |                                   |                 |
| .. |                                   |                 |

17. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác (nếu có):

18. Tham gia hoạt động đào tạo sau đại học:

18.1. Đào tạo tiến sĩ

| Tên NCS | Tên luận án | Năm bảo vệ | Vai trò hướng | Cơ sở đào |
|---------|-------------|------------|---------------|-----------|
|         |             |            |               |           |



|  |  |  | <b>dẫn</b> | <b>tạo</b> |
|--|--|--|------------|------------|
|  |  |  |            |            |
|  |  |  |            |            |

18.2. Đào tạo Thạc sĩ: Số luận văn hướng dẫn chính trong 05 năm gần nhất: 06

*Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2023*

**XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ**

**NGƯỜI KHAI**



**Vũ Văn Doanh**